|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| TỈNH KHÁNH HÒA | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: 200/BC-UBND | *Khánh Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2019**

**xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2020-2022**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2019 được Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 05/12/2018. Mặc dù dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh ước tăng 7,02% so với cùng kỳ nhưng vẫn còn những khó khăn như hoạt động chuyển nhượng, giao dịch bất động sản trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu chững lại; tình hình sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân vẫn chưa khôi phục hoàn toàn do ảnh hưởng của thiệt hại của cơn bão số 8 và số 9 năm 2018 gây ra; tình hình thời tiết và dịch bệnh trong những năm gần đây diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình thu NSNN năm 2019. Song dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh, ngay từ những tháng đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt với những giải pháp đồng bộ, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ ngân sách năm 2019, tạo tiền đề thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2020, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Căn cứ kết quả thảo luận với Bộ Tài chính về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2019 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2020. Trên cơ sở tốc độ tăng trưởng thu bình quân ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2018 và kết quả thu NSNN 10 tháng năm 2019, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2019 và xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương (NSĐP); phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020 như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2019**

**I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019:**

Tổng thu NSNN 10 tháng 15.806 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2019 là 18.470 tỷ đồng, vượt 10% dự toán[[1]](#footnote-1) và đạt 84,4% so với cùng kỳ năm 2018[[2]](#footnote-2).

**1. Thu thuế xuất nhập khẩu:** Thực hiện 10 tháng 2.608 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 3.000 tỷ đồng, vượt gấp 2,65 lần dự toán; bằng 44,1% so với cùng kỳ.

**2. Thu nội địa:** Thực hiện 10 tháng 13.198 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 15.470 tỷ đồng, đạt 98,8% dự toán và tăng 2,7% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất (SDĐ), thu nội địa ước thực hiện cả năm 14.337 tỷ đồng, đạt 97,8% dự toán; tăng 10,6% so với cùng kỳ. Cụ thể:

**Có 13/17 khoản thu đạt và vượt dự toán:**

- Thu từ DNNN Trung ương: Thực hiện 10 tháng 530 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 600 tỷ đồng, vượt 2,6% dự toán, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Số thu 10 tháng của khu vực này vượt tiến độ thu do: Công ty TNHH Liên doanh kho ngoại quan xăng dầu Vân Phong *(tăng 12 tỷ đồng so với cùng kỳ)* vì đã hết bù trừ khoản thuế GTGT không hoàn theo quy định; Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh - Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam *(tăng 14,8 tỷ đồng so với cùng kỳ)* từ hoạt động nhượng quyền khai thác cảng hàng không cho Nhà ga quốc tế Cam Ranh và phát sinh từ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mở rộng thêm đại lý phân phối nên tăng sản lượng tiêu thụ.

- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 10 tháng 678 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 740 tỷ đồng, vượt 48% dự toán; tăng 52,6% so với cùng kỳ. Số tăng do trong năm phát sinh 429 tỷ đồng do nộp hộ thuế cho các nhà thầu thi công các dự án Điện mặt trời tại Cam Lâm, Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong và một số dự án khác; bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Vinpearl nộp 13,5 tỷ đồng do chi trả lãi phát hành trái phiếu quốc tế Venus và Công ty Đồ bơi thống nhất qua công tác kiểm tra truy thu 03 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 10 tháng 13 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 15,6 tỷ đồng, vượt 4,2% dự toán; đạt 100% so với cùng kỳ do nhiều hộ gia đình thực hiện đóng trước một lần cho nhiều năm.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 10 tháng 1.018 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.180 tỷ đồng, đạt 100% dự toán và tăng 16,2% so với cùng kỳ. Số thu của lĩnh vực chủ yếu từ tiền quyết toán tiền lương, thưởng cuối năm 2018, chi trả cổ tức và thu nhập của người lao động (10 tháng thu từ thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công là 649 tỷ đồng, chiếm hơn 60% số thu từ lĩnh vực này*)*; thu từ thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản thực hiện 106 tỷ đồng.

- Thuế bảo vệ môi trường: Thực hiện 10 tháng 908 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.050 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; tăng 40,4% so với cùng kỳ. Số thu tăng so với cùng kỳ do tăng mức thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng thuộc nhóm xăng, dầu, mỡ nhờn và than đá theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2019[[3]](#footnote-3).

- Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 10 tháng 998 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.133 tỷ đồng, vượt 13,3% dự toán; bằng 53,8% so với cùng kỳ *(Nếu loại trừ các khoản GTGC tiền sử dụng đất thì số thu phát sinh năm 2019 là 1.069 tỷ đồng, tăng 6,9% dự toán; bằng 54,8% so với cùng kỳ)*. Ngân sách cấp tỉnh ước thu 142 tỷ đồng đạt 34% dự toán, bằng 13,1% so với cùng kỳ; ngân sách cấp huyện ước thu 927 tỷ đồng vượt 59,1% dự toán, vượt 6,8% so với cùng kỳ. Số thu tăng do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 10 tháng 454 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 500 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; tăng 64,1% so với cùng kỳ. *(Nếu loại trừ các khoản GTGC 40 tỷ đồng thì số thu phát sinh năm 2019 là 460 tỷ đồng, bằng 92% dự toán; tăng 68,3% so với cùng kỳ.* Chi tiết một số dự án như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Doanh nghiệp** | **Dự án** | **Số nộp** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng** |  | **351** |
| 1 | Công ty CP Quản lý và Xây dựng Đường bộ Khánh Hòa | Trụ sở làm việc tại Vĩnh Hòa | 4 |
| 2 | Công ty TNHH TM và DV Du lịch Sơn Hải | Khu du lịch và nghỉ dưỡng Sơn Hải | 0,5 |
| 3 | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng | Dự án Khu nhà ở gia đình cán bộ Quân đội | 11 |
| 4 | Công ty CP Đầu tư VCN | Dự án Trường mẫu giáo - Khu đô thị Phước Long 2 | 4 |
| Dự án CCN Diên Phú | 3 |
| 5 | Công ty CP Năng lương AMI Khánh Hòa | Dự án Nhà máy Điện mặt trời Ami Khánh Hòa | 10 |
| 6 | Công ty CP Hòn Tằm Biển Nha Trang | Khu du lịch Đảo Hòn Tằm | 4,5 |
| 7 | Công ty TNHH ô tô Hyundai Tín Thanh Nha Trang | Khu Thương mại và Dịch vụ ô tô Tín Thanh | 4,8 |
| 8 | Công ty TNHH Điện lực Vân Phong | Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1 | 282 |
| 9 | Công ty Cổ phần Vinpearl | Vinpearl Golfand resort & Villas | 1,5 |
| 10 | Công ty TNHH Hoàng Thảo Trâm | Dự án Trung tâm thể dục thể thao Ngọc Hiệp | 1,6 |
| 11 | Công ty TNHH Điện ảnh và dịch vụ Văn hoá Sao Việt | Trung tâm điện ảnh và văn hoá sao việt | 2 |
| 12 | Công ty TNHH Hoàn Cầu Vân Phong | Đầu tư xây dụng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Ninh Thủy | 22 |

- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước: Thực hiện 10 tháng 35,8 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 35,9 tỷ đồng, vượt 30 lần dự toán; tăng gấp 02 lần so với cùng kỳ. Trong năm bán 17 căn nhà trong đó căn nhà tại số 6 đường Sao biển, phường Vĩnh Hải trị giá 29,315 tỷ đồng.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 10 tháng 281 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 378 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; bằng 54,5% so với cùng kỳ. Trong đó phát sinh số nộp tiền bán yến của Công ty TNHH NN MTV Yến Sào Khánh Hoà (sau khi trừ chi phí khai thác và nộp thuế tài nguyên) số tiền 35 tỷ đồng; thu phạt an toàn giao thông 42 tỷ đồng; thu phạt hành chính do ngành thuế thực hiện 35 tỷ đồng và thu hồi các khoản chi năm trước 56 tỷ đồng; thu phạt vi phạm hành chính khác 42 tỷ đồng.

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: Thực hiện 10 tháng 19 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 21 tỷ đồng, vượt 32,8% dự toán; bằng 45,6% so với cùng kỳ. Trong năm phát sinh khoản thu tiền đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất công là 3,4 tỷ đồng, tăng 1,3 tỷ đồng so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 10 tháng 43 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 45 tỷ đồng, vượt 0,4% dự toán; bằng 68,3% so với cùng kỳ.

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế: Thực hiện 10 tháng 388 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 390 tỷ đồng, vượt gấp 02 lần dự toán; tăng 20,9% so với cùng kỳ. Số thu tập trung tại các công ty: Tổng công ty Khánh Việt nộp 346 tỷ đồng (nộp theo kiến nghị của Kiểm toán qua cuộc kiểm toán BCTC năm 2017 là 35 tỷ đồng, nộp từ kết quả kinh doanh của công ty 311 tỷ đồng); Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hoà nộp 35 tỷ đồng; Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang 3 tỷ đồng; Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Vạn Ninh 0,653 tỷ đồng và Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Cam Ranh 2 tỷ đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: Thực hiện 10 tháng 201 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 225 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; tăng 4,9% so với cùng kỳ. Trong đó, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Khánh Hòa 213 tỷ đồng, vượt 9,2% dự toán và tăng 10,3% so với cùng kỳ, Công ty Xổ số điện toán 12 tỷ đồng đạt 40% dự toán và bằng 56,2% so với cùng kỳ.

**Có 04/17 khoản thu không hoàn thành dự toán:**

- Thu từ DNNN địa phương: Thực hiện 10 tháng 2.651 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 3.175 tỷ đồng, đạt 97,1% dự toán và tăng 4,9% so với cùng kỳ. Trong dự toán có 188 tỷ đồng chưa có địa chỉ phân bổ, mặc dù UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan thuế chủ động khai thác nguồn thu để bù đắp khoản này tuy nhiên vẫn không đảm bảo dự toán giao, cụ thể:

+ Tổng Công ty Khánh Việt thực hiện 10 tháng 2.248 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 2.650 tỷ đồng bằng 100% dự toán và tăng 3,7% so cùng kỳ. Trong 10 tháng dưới tác động của thuốc lá lậu, Luật phòng chống tác hại thuốc lá đã ảnh hưởng làm giảm sản lượng tiêu thụ thuốc lá của Tổng Công ty, tuy nhiên do thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, tăng tiêu thụ sản phẩm có giá trị cao dẫn đến số nộp tăng 5% so với cùng kỳ. Trong 2 tháng cuối năm, Tổng Công ty Khánh Việt dự kiến nộp ngân sách 402 tỷ đồng, bình quân mỗi tháng nộp 201 tỷ đồng.

+ Công ty TNHH NN MTV Yến Sào Khánh Hoà ước thực hiện cả năm 402 tỷ đồng, đạt 100% dự toán và tăng 0,1% so với cùng kỳ. Trong đó hạch toán tại DNNN địa phương là 350 tỷ đồng, tại khu vực CTN ngoài quốc doanh là 52 tỷ đồng.

+ Các doanh nghiệp còn lại: ước thực hiện cả năm 175 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so cùng kỳ nhưng đạt 80,1% dự toán do phần dự toán chưa có địa chỉ phân bổ đầu năm.

- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: Thực hiện 10 tháng 3.685 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 4.330 tỷ đồng, bằng 88,4% dự toán và tăng 9,8% so với với cùng kỳ. Nguyên nhân giảm thu so với dự toán như sau:

+ Số thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản thời điểm xây dựng dự toán năm 2019 là 800 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 456 tỷ đồng do các dự án lớn đã bán hết và hụt thu 344 tỷ đồng so với dự toán;

+ Số thu từ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hoà, thực hiện thu 10 tháng 484 tỷ đồng, ước cả năm 580 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán, (số tuyệt đối giảm 75 tỷ đồng so với dự toán). Dự toán năm 2019 giao cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hoà đã bao gồm yếu tố tăng sản lượng từ 51 triệu lít lên 63 triệu lít, tuy nhiên để xử lý hàng tồn kho của các đơn vị trực thuộc năm 2018, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn không cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hoà tăng sản lượng sản xuất như dự kiến dẫn đến số nộp không đạt dự toán giao.

+ Số nộp còn lại từ các doanh nghiệp của khu vực này: Dự toán giao là 3.445 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 3.294 tỷ đồng (hụt thu 151 tỷ đồng), bằng 95,6% dự toán và tăng 15% so với cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ: Thực hiện 10 tháng 496 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 611 tỷ đồng, đạt 86,1% dự toán và tăng 1,2% so với cùng kỳ. Số thu không đạt do hoạt động chuyển nhượng bất động sản giảm so với cùng kỳ *(lệ phí trước bạ nhà đất thu năm 2018 là 127 tỷ đồng, ước năm 2019 thu 87 tỷ đồng)*

- Thu phí, lệ phí: Thực hiện 10 tháng 797 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.040 tỷ đồng, đạt 90,4% dự toán và tăng 12,4% so với cùng kỳ, trong đó:

+ Phí, lệ phí trung ương: thực hiện 10 tháng 682 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 897 tỷ đồng, bằng 91,6% dự toán nguyên nhân chính vì khoản thu phí cấp thị thực và các giấy tờ có liên quan đến xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài (chiếm 77% lĩnh vực thu này) giảm so với cùng kỳ (phí cấp thị thực và các giấy tờ có liên quan đến xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài năm 2018 thu 718 tỷ đồng, ước năm 2019 thu 630 tỷ đồng).

+ Phí, lệ phí địa phương: thực hiện 10 tháng 115 tỷ đồng, ước cả năm 143 tỷ đồng, đạt 84% dự toán do hoạt động khai thác khoáng sản do đang tạm ngừng khai thác để lập thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định cũng đã ảnh hưởng đến nguồn thu này*.*

*(Phụ lục số 01 đính kèm)*

**3. Tình hình thu hồi nợ thuế 10 tháng năm 2019:**

Nợ thuế toàn tỉnh 10 tháng năm 2019 là nợ là 721.378 triệu đồng, tăng 27.826 triệu đồng (tăng 4%) so với thời điểm 31/12/2018. Trong đó:

- Nợ thông thường là 363.168 triệu đồng, giảm 7.351 triệu đồng (giảm 2%),

- Nợ khó thu là 328.999 triệu đồng, tăng 24.046 triệu đồng (tăng 8%).

- Nợ chờ điều chỉnh là 29.211 triệu đồng, tăng 12.698 triệu đồng (tăng 77%).

**II. Nguồn thu NSĐP được hưởng theo phân cấp và phương án xử lý:**

1. **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**

Căn cứ số ước thu NSNN trên, theo đó thu NSĐP được hưởng như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **NSĐP** | **NS cấp tỉnh** | **NS huyện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Dự toán thu NSĐP được hưởng** | **10.927** | **7.627** | **3.300** |
| 1 | Thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, ghi thu, ghi chi | 1.225 | 601 | 624 |
| 2 | Thu NSĐP đã loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, ghi thu, ghi chi | 9.702 | 7.026 | 2.676 |
| **II** | **Ước thực hiện thu NSĐP được hưởng 2019** | **10.923** | **7.559** | **3.364** |
| 1 | Thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, ghi thu, ghi chi | 1.398 | 457 | 941 |
| 2 | Thu NSĐP đã loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, ghi thu, ghi chi | 9.525 | 7.102 | 2.423 |
| **III** | **Chênh lệch ước thực hiện so với dự toán** *(loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, ghi thu, ghi chi)* | **-177** | **76** | **-253** |

**2. Phương án xử lý số chênh lệch ước thực hiện thu NSĐP so với dự toán năm 2019:**

a) Cơ chế xử lý hụt thu ngân sách:

Căn cứ công văn số 11456/BTC-NSNN ngày 26/9/2019 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách địa phương trong những tháng cuối năm 2019, trong đó địa phương được phép sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn lại sau khi đảm bảo tăng lương, các chính sách an sinh xã hội và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương (kết dư ngân sách,…) để bù hụt thu.

b) Phương án xử lý xử lý hụt thu ngân sách:

Kết thúc năm 2019, ngân sách địa phương *(loại trừ tiền sử dụng đất, tiền xổ số kiến thiết, ghi thu ghi chi)* hụt cân đối 177 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp tỉnh tăng thu 76 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện hụt thu 253 tỷ đồng. Cụ thể phương án xử lý như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Bổ sung nguồn CCTL** | **Số hụt cân đối còn lại** | **Nguồn xử lý hụt thu** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh để bù hụt thu** | **Nguồn CCTL của huyện** | **Nguồn kết dư NS huyện** |
|  | **Tổng số** | **-177** | **-88** | **-89** | **38** | **26** | **98** |
| **I** | **Ngân sách cấp tỉnh** | **76** | **38** | **38** |  |  |  |
| **II** | **Ngân sách cấp huyện** | **-253** | **-126** | **-127** | **38** | **26** | **98** |
| *1* | *Nha Trang* | *-184* | *-92* | *-92* |  |  | *92* |
| *2* | *Cam Ranh* | *16* | *8* | *8* |  |  |  |
| *3* | *Ninh Hoà* | *-58* | *-29* | *-29* | *16* | *13* |  |
| *4* | *Vạn Ninh* | *-24* | *-12* | *-12* | *6* |  | *6* |
| *5* | *Diên Khánh* | *-57* | *-28* | *-29* | *16* | *13* |  |
| *6* | *Cam Lâm* | *44* | *22* | *22* |  |  |  |
| *7* | *Khánh Vĩnh* | *8* | *4* | *4* |  |  |  |
| *8* | *Khánh Sơn* | *2* | *1* | *1* |  |  |  |

**III. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương và các nguồn xử lý cân đối năm 2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Dự toán năm 2019** | **Các nguồn đưa vào cân đối** | **Ước thực hiện năm 2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Tổng thu NSĐP** | **11.945** | **2.673** | **14.618** |
| **1** | **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **10.927** | **-4** | **10.923** |
|  | *- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%* | *3.264* | *284* | *3.548* |
|  | *- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %* | *7.663* | *-288* | *7.375* |
| **2** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | **683** | **155** | **838** |
| **3** | **Thu từ nguồn cải cách tiền lương** | **336** | **332** | **668** |
| **4** | **Thu chuyển nguồn NS năm trước** | **0** | **1.751** | **1.751** |
| **5** | **Nguồn tiết kiệm chi** | **0** | **298** | **298** |
| **6** | **Nguồn NS cấp dưới nộp lên** | **0** | **3** | **3** |
| **7** | **Nguồn kết dư** |  | **138** | **138** |
|  | *- Nguồn kết dư NS cấp tỉnh* | *0* | *40* | *40* |
|  | *- Nguồn kết dư NS cấp huyện* | *0* | *98* | *98* |
| **B** | **Tổng chi NSĐP** | **12.114** | **2.579** | **14.693** |
| **1** | **Chi đầu tư XDCB** | **4.249** | **1.734** | **5.983** |
|  | *- Chi đầu tư từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu NSTW* |  | *145* |  |
|  | *- Chuyển nguồn NS năm trước* |  | *1.656* |  |
|  | *- Nguồn tiết kiệm chi* |  | *122* |  |
|  | *- Nguồn kết dư* |  | *15* |  |
|  | *- Nguồn dự phòng* |  | *14* |  |
|  | *- Ghi thu, ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng* |  | *104* |  |
|  | *- Điều chỉnh giảm chi thường xuyên tăng chi đầu tư* |  | *19* |  |
|  | *- Điều chỉnh giảm chi đầu tư từ nguồn bội chi do kế hoạch rút vốn vay lại ngước ngoài giảm so với dự toán* |  | *-93* |  |
|  | *- Điều chỉnh giảm chi đầu tư từ tiền sử dụng do hụt thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh* |  | *-248* |  |
| **2** | **Chi thường xuyên** | **6.890** | **628** | **7.518** |
|  | *- Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu NSTW* |  | 10 |  |
|  | *- Nguồn cải cách tiền lương* |  | 306 |  |
|  | *- Chuyển nguồn NS năm trước* |  | 96 |  |
|  | *- Nguồn tiết kiệm chi* |  | 171 |  |
|  | *- Nguồn NS cấp dưới nộp lên* |  | 3 |  |
|  | *- Nguồn kết dư* |  | 1 |  |
|  | *- Nguồn dự phòng* |  | 259 |  |
|  | *- Bổ sung nguồn CCTL từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên đầu năm* |  | -171 |  |
|  | *- Giảm 10% KP quy hoạch đo đạc do hụt thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh* |  | -28 |  |
|  | *- Điều chỉnh giảm chi thường xuyên tăng chi đầu tư* |  | -19 |  |
| **3** | **Chi trả nợ vốn vay** | **11** | **0** | **11** |
| **4** | **Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính** | **1** | **0** | **1** |
| **5** | **Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương** | **535** | **82** | **617** |
|  | *- Bổ sung nguồn CCTL từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên* | 0 | 171 | 0 |
|  | *- Bổ sung nguồn CCTL từ 50% nguồn tăng thu DT* | 0 | -88 | 0 |
| **6** | **Dự phòng ngân sách giảm để phân bổ các nhiệm vụ chi trong năm** | **273** | **-273** | **0** |
| **7** | **Nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán của ngân sách huyện** | **0** | **379,6** | **379,6** |
| **8** | **Chương trình MTQG** | **154,6** | **0,6** | **155,2** |
| **9** | **Chi nộp NS cấp trên** | **0** | **28** | **28** |
| **C** | **Bội chi** | **168** | **-93** | **75** |

**IV. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương:**

Tổng chi ngân sách địa phương 10 tháng thực hiện 7.815 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 14.665 triệu đồng, tăng 21,1% dự toán. Trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** Thực hiện 10 tháng 2.634 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 5.983 tỷ đồng, tăng 40,8% dự toán*.* Số tăng chi chủ yếu từ các nguồn bổ sung ngoài dự toán như nguồn chuyển nguồn, nguồn kết dư, nguồn dự phòng, nguồn tiết kiệm chi, nguồn NSTW bổ sung năm 2019 và ghi thu, ghi chi. Cụ thể:

**a) Chi đầu tư phát triển từ dự toán:** 10 tháng thực hiện 1.567 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 4.036 tỷ đồng, đạt 96,8% so với dự toán.

- Chi xây dựng cơ bản tập trung 10 tháng thực hiện 908 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 2.354 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Chi đầu tư từ nguồn tiền SDĐ 10 tháng thực hiện 337 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 775 tỷ đồng, đạt 80,8% so với dự toán, do thu tiền sử dụng đất giảm so với dự toán.

- Chi đầu tư từ bội chi 10 tháng thực hiện 24 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 75 tỷ đồng, bằng 44,5% dự toán do kế hoạch rút vốn vay lại nước ngoài giảm so với dự toán.

- Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW 10 tháng thực hiện 190 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 607 tỷ đồng, vượt 31,4% so với DT. Trong năm NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP 145 tỷ đồng để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang.

- Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT: thực hiện 10 tháng thực hiện 92 tỷ đồng, ước cả năm 225 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

**b) Chi đầu tư từ các nguồn vốn ngoài dự toán:** 10 tháng thực hiện 1.042 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm là 1.866 tỷ đồng, gồm:

- Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất 10 tháng thực hiện 40 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 40 tỷ đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn vốn chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019: 10 tháng thực hiện 854 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.403 tỷ đồng, chiếm 99,1% số chuyển nguồn, số còn lại 0,9% huỷ dự toán.

- Chi đầu tư từ nguồn NSTW chuyển nguồn để thực hiện dự án đường cất hạ cánh số 2 – Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh 200 tỷ đồng; Kinh phí khắc phục thiệt hại bão số 8, 9 số tiền 50 tỷ đồng.

- Chi đầu tư từ các nguồn khác (nguồn kết dư, nguồn dự phòng, nguồn tiết kiệm chi, nguồn NS huyện, ghi thu - ghi chi): 10 tháng chi 148 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 173 tỷ đồng.

**c) Chi trả nợ gốc:** Thực hiện 10 tháng 26 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 81 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

**2. Chi thường xuyên:**

Thực hiện 10 tháng 4.978 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 7.518 tỷ đồng, tăng 9,1% so với dự toán, trong đó một số lĩnh vực chi lớn như:

- Chi quốc phòng: Thực hiện 10 tháng 143 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 188 tỷ đồng, tăng 9,9% so với dự toán, do bổ sung các nội dung: Kinh phí mua sắm vật chất A2 số tiền 9 tỷ đồng; Thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2019 và kinh phí diễn tập phòng chống phòng chống cháy rừng 6 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi an ninh: Thực hiện 10 tháng 45 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 67 tỷ đồng, tăng 63,8% dự toán, trong năm bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT từ nguồn NSTW số tiền 18 tỷ đồng và một số nhiệm vụ chi khác.

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Thực hiện 10 tháng 1.987 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 2.725 tỷ đồng, tăng 4,4% so với dự toán. Trong năm bổ sung một số nội dung ngoài dự toán: Kinh phí thực hiện xây mới, cải tạo, sửa chữa các công trình vệ sinh trong các trường học toàn tỉnh 25 tỷ đồng; Kinh phí trang bị phần mềm "Quản lý kế hoạch giảng dạy, chia thời khóa biểu" cho các trường học trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 2 tỷ đồng; Kinh phí hoạt động toàn ngành giáo dục cho các huyện, thị xã, thành phố 4 tỷ đồng; Kinh phí chi trả chế độ theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP 7 tỷ đồng; Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ 5 tỷ đồng; Kinh phí chế độ giáo viên mầm non dạy lớp ghép năm học 2018-2019 theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP 2 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thực hiện 10 tháng 451 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 777 tỷ đồng, tăng 6,4% so với dự toán. Trong năm bổ sung một số nội dung ngoài dự toán: Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế 24 tỷ đồng; Kinh phí mua xe ô tô cứu thương và thiết bị kèm theo 7 tỷ đồng; Kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi ngành y tế theo Nghị quyết 17/2010/NQ-HĐND 2 tỷ đồng; Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và Nghị định số 64/2009/NĐ-CP 3 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: Thực hiện 10 tháng 48 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 72 tỷ đồng, tăng 21,2% so với dự toán, trong bổ sung một số nội dung: Kinh phí thực hiện chế độ tiền lương cho vận động viên tăng thêm theo quy định Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ 5 tỷ đồng và một số nhiệm vụ chi khác.

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 10 tháng 67 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 135 tỷ đồng, bằng 85% so với dự toán, do giảm kinh phí hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản để bổ sung cho ngân sách huyện chi đầu tư, sửa chữa các công trình bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 10 tháng 721 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.321 tỷ đồng, tăng 36,9% so với dự toán do bổ sung một số nội dung như: Kinh phí chi ATGT 3,4 tỷ đồng; kinh phí đóng mới tàu cá để khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP 18 tỷ đồng;Hỗ trợ các địa phương bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ 21,4 tỷ đồng; Kinh phí khắc phục thiệt hại do bão số 8, số 9 gây ra 33 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị (trồng cây xanh, điện chiếu sáng…) 35 tỷ đồng; BS để hoàn tạm ứng Kinh phí hỗ trợ giống cây trồng do hạn hán năm 2015 số tiền 14 tỷ đồng; Hỗ trợ ngư dân theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg 193 tỷ đồng; Chuyển cho Quỹ Bảo trì đường bộ kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh 21 tỷ đồng; Kinh phí các dự án quy hoạch 10 tỷ đồng; Kinh phí trang bị máy phát điện phục vụ công tác phòng chống thiên tai cho các địa phương 5 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị...: Thực hiện 10 tháng 981 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 1.305 tỷ đồng, tăng 2,4% so với DT, số tăng chi do bổ sung một số nội dung: Hỗ trợ xã Ninh Xuân do đạt các tiêu chí là đô thị loại V số tiền 5 tỷ đồng; Kinh phí chênh lệch chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND (Phụ cấp các chi hội) 4 tỷ đồng; Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam xã, thị trấn 3 tỷ đồng; Kinh phí xử lý tài liệu tích đóng phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố từ năm 2016 trở về trước 1,3 tỷ đồng; Kinh phí bầu cử thôn, tổ dân phố 7 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 10 tháng 336 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 497 tỷ đồng, tăng 18% so với DT. Số tăng chủ yếu do bổ sung các chính sách an sinh xã hội như: Hỗ trợ mua gạo trợ giúp cứu đói cho nhân dân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2019 số tiền 15,6 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi khác ngân sách: Thực hiện 10 tháng 101 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 266 tỷ đồng, bằng 85,9% so với dự toán do trong năm điều chỉnh sang các lĩnh vực khác đồng thời bổ sung một số nội dung: Kinh phí phục vụ cho công tác thanh tra Sở năm 2018 số tiền 1 tỷ đồng; Thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2018 số tiền 4,4 tỷ đồng; Chuyển vốn cho Ngân hàng CSXH để cho vay các đối tượng số tiền 55 tỷ đồng; Hỗ trợ ngành thuế trong phối hợp công tác thu ngân sách năm 2018 số tiền 4,5 tỷ đồng; Hỗ trợ Cục thuế tỉnh công tác thu hồi nợ thuế và tiền phạt trên 90 ngày số tiền 5 tỷ đồng; Trả nợ gốc đối với các hộ vay hộ nghèo về nhà ở theo NQ số 15/2009/NQ-HĐND ngày 12/6/2009 của HĐND tỉnh 4,5 tỷ đồng; Hỗ trợ kinh phí mua sắm cho các huyện, thị xã, thành phố 10 tỷ đồng và một số nội dung khác.

**3. Chi trả lãi vay:** Ước thực hiện 10,6 tỷ đồng, đạt 100% dự toán

**4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:** 1,170 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

*(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm)*

**5. Chi từ nguồn dự phòng NSĐP:**

Tổng nguồn dự phòng 273,1 tỷ đồng, đã sử dụng 10 tháng 96,2 tỷ đồng, số dự phòng còn lại 176,9 tỷ đồng (cấp tỉnh 57,2 tỷ đồng, cấp huyện 119,7 tỷ đồng), ước thực hiện cả năm đạt 100% dự toán, cụ thể:

*Đvt: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Nguồn dự phòng NS các cấp** | **273,1** | **138,6** | **134,5** |
| **II** | **Số đã sử dụng 10 tháng** | **96,2** | **81,4** | **14,8** |
| 1 | Chi cho công tác an sinh xã hội | 23,8 | 18,4 | 5,4 |
| 2 | Chi phòng chống dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn | 70,1 | 61,9 | 8,2 |
| 4 | Chi an ninh - quốc phòng | 1,1 | 1,1 |  |
| 5 | Chi một số nhiệm vụ cấp bách khác | 1,2 | 0 | 1,2 |
| **III** | **Nguồn dự phòng còn lại** | **176,9** | **57,2** | **119,7** |
| 1 | Chi an sinh xã hội | 53,7 | 14 | 39,7 |
| 2 | Chi phòng, chống thiên tai, dịch bệnh | 77,7 | 38 | 39,7 |
| 3 | Chi an ninh - quốc phòng | 14,7 | 4,7 | 10 |
| 4 | Chi một số nhiệm vụ cấp bách khác | 30,8 | 0,5 | 30,3 |

**6. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019:**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Tổng cộng** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Nguồn thực hiện CCTL năm 2019** | **2.120** | **930** | **1.190** |
| 1 | Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 chưa sử dụng hết chuyển sang 2019 | 1.671 | 781 | 890 |
| 2 | 50% tăng thu NSĐP (không kể tăng thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán 2019 so dự toán 2018 | 535 | 110 | 425 |
| 3 | Hoàn trả nguồn CCTL theo kiến nghị KTNN | 1 | 1 | 0 |
| 4 | Nguồn 50% ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính | 1 | 0 | 1 |
| 5 | Số bổ sung nguồn CCTL thực hiện so với dự toán 2019 | -88 | 38 | -126 |
| **II** | **Nhu cầu năm 2019** | **374** | **42** | **332** |
| 1 | Tăng lương từ 1,39 triệu đồng-1,49 triệu đồng | 181 | 42 | 139 |
| 2 | Bù hụt thu năm 2019 | 26 | 0 | 26 |
| 3 | Sử nguồn CCTL để chi theo QĐ 48/2010/QĐ-TTg (đầu năm cân từ nguồn dự toán) | 167 | 0 | 167 |
| **III** | **Số chuyển sang năm 2020** | **1.746** | **888** | **858** |

**V. Tình hình sử dụng nguồn tiết kiệm chi năm 2018**

Tổng nguồn tiết kiệm chi năm 2018 là 748 tỷ đồng, đã sử dụng 10 tháng 229 tỷ đồng, ước thực hiện 02 tháng cuối năm 69 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 298 tỷ đồng, đạt 39,8% nguồn tiết kiệm chi, số còn lại tiếp tục tổng hợp vào kết dư ngân sách năm 2019 để trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định, cụ thể:

*Đơn vị: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tổng cộng** | **Đầu tư** | | | **Thường xuyên** | | | **Chi nộp NS cấp trên** |
| **Tổng cộng** | **BS các đơn vị thuộc tỉnh** | **Bổ sung cho NS cấp huyện** | **Tổng cộng** | **BS các đơn vị thuộc tỉnh** | **Bổ sung cho NS cấp huyện** |
| **Tổng số** | **298** | **122** | **8** | **114** | **171** | **99** | **72** | **5** |
| 1. Số đã sử dụng 10 tháng | 229 | 113 | 6 | 107 | 111 | 58 | 53 | 5 |
| 2. Ước thực hiện 2 tháng cuối năm | 69 | 9 | 2 | 7 | 60 | 41 | 19 | 0 |

**VI. Đánh giá chung:**

Trong năm 2019 vẫn còn 04 khoản thu không hoàn thành dự toán, gồm: thu từ DNNN địa phương chủ yếu tập trung vào 02 doanh nghiệp lớn là Tổng Công ty Khánh Việt và Công ty TNHH MTV Yến Sào Khánh Hoà, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng của hai doanh nghiệp này các năm gần đây không cao; thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh, thu lệ phí trước bạ do ảnh hưởng từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản nên không đạt dự toán; khoản thu phí, lệ phí. Qua đó nhận thấy nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chưa bền vững, vì vậy, để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán ngân sách năm 2019, dưới sự lãnh đạo sâu sắc của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đề ra một số giải pháp như sau:

1. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 25/10/2019 về việc triển khai các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2019; trong đó:

- Tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ thuế, đặc biệt là nợ thuế thông thường; thu đúng, thu đủ các khoản thu vào NSNN,

- Đối với khu vực ngoài quốc doanh tập trung thu các doanh nghiệp do Cục Thuế quản lý để đôn đốc thu phấn đấu đạt dự toán được giao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh để điều chỉnh vốn các dự án chưa giải ngân hoặc giải ngân chậm sang các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2019, bên cạnh đó đôn đốc các chủ đầu tư phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc, hạn chế việc chi chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư tại Kho bạc sang năm sau. Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm trong việc thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Sở Tài chính phối hợp với Cục thuế tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trong thời kỳ ổn định 2017-2020 để Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương xem xét, đánh giá và giao dự toán thời kỳ ổn định 2021-2025 phù hợp với khả năng thu NSNN trên địa bàn.

4. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện rà soát và điều chỉnh các nhiệm vụ chi trong dự toán, hạn chế đề nghị bổ sung ngoài dự toán và góp phần giảm số chi chuyển nguồn và hủy dự toán; UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động thực hiện các giải pháp khi xảy ra hụt thu so với dự toán. Bên cạnh đó, Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước dự toán; căn cứ phương án cân đối ngân sách cuối năm và tình hình thực hiện thu ngân sách, chủ động tính toán trình UBND tỉnh giải quyết các khoản chi phát sinh theo trình tự, thủ tục quy định.

**Phần thứ hai**

**DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NSĐP;**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2020**

Triển khai Luật NSNN năm 2015 và thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020; kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020, như sau:

**A. Căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2020:**

1. Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

2. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020;

3. Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020; kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

4. Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thường xuyên giữa các cấp ngân sách ở địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

5. Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

**B. Mục tiêu, nguyên tắc phân bổ**

**I. Mục tiêu:**

Dự toán thu NSNN trên địa bàn được xây dựng theo định hướng của Trung ương với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo tốc độ tăng trưởng hợp lý, tiếp tục ưu tiên đầu tư hợp lý cho con người, giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trong tình hình mới.

Chi NSĐP tiếp tục tập trung nguồn lực phục vụ 04 chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo các chính sách chế độ do Trung ương ban hành và HĐND tỉnh thông qua; đảm bảo kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025; kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn trong năm chẵn và kinh phí tổ chức các hoạt động năm Việt Nam là chủ tịch ASEAN…

**II. Nguyên tắc phân bổ:**

**1. Đối với dự toán thu NSNN:**

Dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2020 được xây dựng trên cơ sở số thu ngân sách được Chính phủ giao, trong quá trình điều hành ngân sách phấn đấu tăng thu để có nguồn lực đáp ứng các nhu cầu chi phát sinh.

**2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương (NSĐP):**

Dự toán chi NSĐP năm 2020, được xây dựng trên cơ sở nguồn thu NSĐP được hưởng theo phân cấp; giảm các nhiệm vụ chi phát sinh trong năm 2019 nhưng không tiếp tục phát sinh trong năm 2020, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách các cấp so với dự toán năm 2019 (nếu có), nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho NSĐP và nguồn cải cách tiền lương các cấp...

2.1. Chi đầu tư phát triển, gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước bố trí bằng với dự toán trung ương giao và bằng 91,8% so với dự toán năm 2019 do trong năm 2019 bố trí từ nguồn CCTL số tiền 200 tỷ đồng để chi chương trình kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn, năm 2020 không tiếp tục phát sinh; tăng chi đầu tư 80 tỷ đồng do trả nợ gốc giảm.

Riêng đối với chi đầu tư XDCB tập trung các cấp ngân sách: Thực hiện giảm chi đầu tư các dự án công trình ngân sách tỉnh để tăng chi ngân sách huyện so với dự toán năm 2019 là 100 tỷ đồng;

b) Tiếp tục bố trí như dự toán năm 2019 các nội dung:

- Kinh phí phụ trách theo địa bàn cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy 15 tỷ đồng;

- Kinh phí cấp bù lãi suất các dự án số tiền 16 tỷ đồng;

- Kinh phí quy hoạch để thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn 9 tỷ đồng.

c) Chi từ thu tiền sử dụng đất, phương án sử dụng như sau:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: Sau khi dành nguồn 150 tỷ đồng để thực hiện hoàn trả những khoản thu đã nộp các năm trước, số còn lại phân bổ như sau:

+ Thực hiện điều tiết 10% cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố;

+ Trích 30% chi công tác đền bù giải phóng mặt bằng;

+ Bố trí 10% chi đo đạc lập bản đồ địa chính và thanh toán công tác quy hoạch;

+ Bố trí chi đầu tư các dự án công trình 50%.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện: bố trí 30% để thanh toán công tác đền bù giải tỏa đối với các dự án thuộc huyện quản lý; 10% thanh toán công tác quy hoạch; 60% bố trí các dự án, công trình do HĐND cùng cấp quyết định.

2.2. Về chi thường xuyên:

a) Đảm bảo kinh phí chi tiền lương và phụ cấp theo mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng trên các lĩnh vực.

b) Sử dụng nguồn CCTL các cấp để đảm bảo nhu cầu tăng lương từ 1.390.000 đồng lên 1.490.000 đồng[[4]](#footnote-4);

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề *(số BTC giao 2.559 tỷ đồng, số địa phương phân bổ 2.763 tỷ đồng)* và chi sự nghiệp khoa học công nghệ *(số BTC giao 31 tỷ đồng)* bố trí bằng và cao hơn dự toán Trung ương giao. Đối với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bố trí theo tiến độ của chương trình.

d) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung đã được phân bổ theo định mức tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐND, trong đó[[5]](#footnote-5):

- Đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Bổ sung nhiệm vụ chi cho Trường Chính trị tỉnh để chi hoạt động các lớp cao cấp lý luận chính trị định mức 4,5 triệu đồng/học viên/năm *(Chi tiết bảng thuyết minh theo Phụ lục 07 đính kèm)*;

- Đối với sự nghiệp quản lý hành chính nhà nước: Vì tại kỳ họp thứ 9 của HĐND vào cuối năm dự kiến ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/20116 về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; để phù hợp với một số mức chi thay đổi, đề nghị điều chỉnh định mức chế độ, chính sách cấp xã như sau:[[6]](#footnote-6)

+ Đối với phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng: tăng từ 285 triệu đồng/xã/năm lên 413 triệu đồng/xã/năm.

+ Đối với thị trấn và các xã huyện miền núi: tăng từ 247 triệu đồng/xã/năm lên 360 triệu đồng/xã/năm.

*(Chi tiết bảng thuyết minh theo phụ lục 08 đính kèm).*

e) Nguồn thu từ tiền bán nhà thuộc SHNN không bố trí nhiệm vụ chi, sử dụng toàn bộ để bổ sung nguồn Quỹ phát triển nhà ở;

g) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố (danh mục các công trình do UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị) để thực hiện công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND;

h) Đối với chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính và dự phòng chi bố trí bằng dự toán Trung ương giao;

**C. Phân bổ dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2020:**

**I. Phương án phân bổ dự toán thu NSNN năm 2020:**

**1. Thu NSNN trên địa bàn:** Dự toán thu 17.273 tỷ đồng, bằng 93,5% so với ước thực hiện (ƯTH) năm 2019. Số giảm lớn chủ yếu từ hoạt động xuất nhập khẩu, trong đó:

**a) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** Dự toán 1.300 tỷ đồng, bằng 43,3% so với ƯTH năm 2019. Nguyên nhân do năm 2020 dự kiến sẽ giảm hoạt động nhập khẩu xăng dầu tại Khánh Hoà.

**b) Thu nội địa:** Dự toán thu 15.973 tỷ đồng, tăng 3,3% so với ƯTH năm 2019, cụ thể:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương 670 tỷ đồng, tăng 11,7% so với ƯTH năm 2019.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 3.300 tỷ đồng, tăng 3,9% so với ƯTH năm 2019.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 650 tỷ đồng, bằng 87,8% so với ƯTH năm 2019.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh 4.730 tỷ đồng, tăng 9,2% so với ƯTH năm 2019, trong đó Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa nộp 640 tỷ đồng. Số thu của Công ty CP Bia Sài Gòn Khánh Hòa tiếp tục chuyển nộp về ngân sách cấp tỉnh để bố trí các nhiệm vụ chi cấp tỉnh và bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm giao nhiệm vụ thu cho Cục Thuế và các Chi Cục Thuế.

- Lệ phí trước bạ 700 tỷ đồng, tăng 14,6% so với ƯTH năm 2019.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 15 tỷ đồng, bằng 96% so với ƯTH năm 2019.

- Thuế thu nhập cá nhân 1.380 tỷ đồng, tăng 16,9% so với ƯTH năm 2019.

- Thuế bảo vệ môi trường 1.150 tỷ đồng, tăng 9,5% so với ƯTH năm 2019.

- Thu phí, lệ phí 1.150 tỷ đồng, tăng 10,6% so với ƯTH năm 2019.

- Thu tiền sử dụng đất 1.000 tỷ đồng, bằng 88,3% so với ƯTH năm 2019, chi tiết các dự án cấp tỉnh và số thu các huyện, thị xã, thành phố như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung thu** | **Số tiền** |
| --- | --- | --- |
|  | **Tổng số (I+II)** | **1.000** |
| **I** | **Thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh** | **357** |
| **1** | **Ghi thu, ghi chi** | **0** |
| **2** | **Thu phát sinh** | **357** |
|  | - Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại Khách sạn căn hộ chung cư Russia | 174 |
|  | - Dự án Khu du lịch Hòn Một | 61 |
|  | - Dự án Khu đô thị Hưng Thịnh | 54 |
|  | - Dự án Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong | 68 |
| **II** | **Số thu tiền sử dụng đất cấp huyện** | **643** |
| 1 | Thành phố Nha Trang | 400 |
| 2 | Thành phố Cam Ranh | 50 |
| 3 | Thị xã Ninh Hòa | 35 |
| 4 | Huyện Vạn Ninh | 40 |
| 5 | Huyện Diên Khánh | 30 |
| 6 | Huyện Cam Lâm | 80 |
| 7 | Huyện Khánh Vĩnh | 6,5 |
| 8 | Huyện Khánh Sơn | 1,5 |

**-** Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước 310 tỷ đồng, bằng 62% so với ƯTH 2019.

- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN 2 tỷ đồng, bằng 5,6% so với ƯTH 2019.

- Thu khác ngân sách 350 tỷ đồng, bằng 92,6% so với ƯTH 2019.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản 16 tỷ đồng, bằng 75,3% so với ƯTH 2019.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản 50 tỷ đồng, tăng 11,1% so với ƯTH 2019.

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 280 tỷ đồng, bằng 71,8% so với ƯTH 2019.

-Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 220 tỷ đồng, bằng 97,8% so với ƯTH 2019, trong đó Công ty Xổ số kiến thiết Khánh Hòa 210 tỷ đồng và Công ty Xổ số điện toán 10 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)*

**2. Phương án phân bổ tăng thu dự toán 2020 so với dự toán năm 2019 như sau:**

**a) Thu NSĐP được hưởng dự toán năm 2020**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **NSĐP** | **NSCT** | **NS huyện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **II** | **Dự toán HĐND tỉnh năm 2019** |  |  |  |
| II.1 | Thu NSĐP được hưởng | 10.927 | 7.627 | 3.300 |
| II.2 | Thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết | 1.225 | 601 | 624 |
| II.3 | Thu NSĐP không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết | 9.702 | 7.026 | 2.676 |
| **III** | **Dự toán năm 2020** |  |  |  |
| III.1 | Thu NSĐP được hưởng | 11.010 | 7.779 | 3.231 |
| III.2 | Thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết | 1.220 | 557 | 663 |
| III.3 | Thu NSĐP không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết | 9.790 | 7.222 | 2.568 |
| **IV** | **Chênh lệch NSĐP được hưởng dự toán 2020 so với dự toán năm 2019** *(không bao gồm tiền sử dụng đất, XSKT)* | **88** | **196** | **-108** |
| *a* | *Bổ sung nguồn CCTL* | 44 | 98 | -54 |
| *b* | *Số còn lại* | 44 | 98 | -54 |

**b) Phương án xử lý số chênh lệch dự toán 2020 so với dự toán năm 2019 như sau:**

- Đối với số tăng thu của ngân sách cấp tỉnh số tiền 98 tỷ đồng:

+ Sử dụng để bù hụt cân đối cho ngân sách huyện : 39 tỷ đồng

+ Bố trí nhiệm vụ chi tăng thêm của tỉnh : 59 tỷ đồng

- Đối với số hụt cân đối của ngân sách cấp huyện số tiền 54 tỷ đồng, trong đó:

+ Các địa phương có tăng thu (Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh) bố trí nhiệm vụ chi tăng thêm số tiền 36 tỷ đồng .

+ Các địa phương hụt thu 90 tỷ đồng (Nha Trang, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh):

++ Ngân sách cấp tỉnh bù hụt cân đối 39 tỷ đồng;

++ Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn số tiền 51 tỷ đồng.

**II. Phương án phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2020:**

Tổng chi ngân sách địa phương là 12.908 tỷ đồng, tăng 6,6% so với dự toán năm 2019, trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** 4.512 tỷ đồng, tăng 6,2% so với dự toán năm 2019 số tăng chủ yếu từ chi đầu tư nguồn bội chi và nguồn NSTW bổ sung cho NSĐP, cụ thể:

a) Chi đầu tư XDCB tập trung vốn trong nước 2.236 tỷ đồng, bằng 91,8% so với dự toán năm 2019, do trong năm 2019 bố trí từ nguồn CCTL số tiền 200 tỷ đồng để chi chương trình kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn, năm 2020 không tiếp tục phát sinh; tăng chi đầu tư 80 tỷ đồng do trả nợ gốc giảm.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 1.000 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2019, trong đó:

- Cấp tỉnh : 315 tỷ đồng

*+ Dành nguồn để hoàn trả các khoản thu đã nộp*

*năm trước : 150 tỷ đồng*

*+ Bố trí chi các dự án công trình : 104 tỷ đồng*

*+ Bổ sung 30% Quỹ phát triển đất : 62 tỷ đồng*

- Cấp huyện : 664 tỷ đồng

*(Số còn lại 21 tỷ đồng bố trí chi thường xuyên để thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính và thanh toán công tác quy hoạch )*

c) Chi đầu tư từ nguồn NSTW bổ sung : 775 tỷ đồng

d) Chi đầu tư từ nguồn bội chi : 301 tỷ đồng

f) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết : 220 tỷ đồng

**2. Chi thường xuyên:** Tổng chi 7.221 tỷ đồng, tăng 4,8% so với dự toán năm 2019. Số tăng chi dành để bố trí tăng tiền lương tối thiểu từ 1,39 triệu đồng lên 1,49 triệu đồng theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ; kinh phí phục vụ Đại hội Đảng và các ngày lễ lớn; kinh phí tổ chức năm Việt Nam là chủ tịch ASEAN;tăng đối tượng thực hiện dự toán năm 2020 so với năm 2019 và tăng một số chế độ chính sách như: kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo NĐ 35; kinh phí hỗ trợ học sinh theo Nghị đinh 116/2016/NĐ-CP; kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ; bổ sung đầu tư CSHT các xã được công nhận đô thị loại V; bổ sung kinh phí hoạt động cho ngành y tế; kinh phí mua bảo hiểm y tế các đối tượng. Cụ thể một số lĩnh vực như sau:

- Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội 241 tỷ đồng, tăng 14% so với dự toán năm 2019 do tăng kinh phí chi bảo đảm chế độ cho hải đội dân quân thường trực 31 tỷ đồng; Kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ 5 tỷ đồng và một số nhiệm vụ chi khác.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 2.764 tỷ đồng *(Bộ Tài chính giao 2.559 tỷ đồng)*, tăng 5,9% so với dự toán năm 2019 chủ yếu tăng lương cơ sở từ 1,39 triệu đồng lên 1,49 tỷ đồng, kinh phí Hội khỏe Phù Đổng 05 tỷ đồng; Hỗ trợ học sinh theo NĐ 116/2016/NĐ-CP 3 tỷ đồng; Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật 3 tỷ đồng và một số nhiệm vụ chi khác.

- Chi SN khoa học và công nghệ 31 tỷ đồng *(Bộ Tài chính giao 31 tỷ đồng)*, bằng 92,3% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN y tế, dân số và gia đình 744 tỷ đồng, tăng 1,9% so DT năm 2019, do tăng kinh phí đối tượng bảo hiểm y tế 39 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi SN văn hóa, thông tin 68 tỷ đồng, bằng 78,5% so với DT năm 2019 do giảm kinh phí tổ chức Festival và năm du lịch quốc gia 20 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi SN phát thanh truyền hình 17 tỷ đồng, bằng 62,4% so DT năm 2019 vì kinh phí đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đài phát thanh truyền hình được giữ tại ngân sách cấp tỉnh và phân bổ khi có nhu cầu.

- Chi SN thể dục thể thao 81 tỷ đồng, tăng 35,3% so với dự toán năm 2019 do tăng kinh phí thể thao thành tích cao 12 tỷ đồng, kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi cho HLV, VĐV thể thao Khánh Hòa 09 tỷ đồng và các nhiệm vụ chi khác.

- Chi SN môi trường 161 tỷ đồng, tăng 1,2% so với dự toán năm 2019.

- Chi các hoạt động kinh tế 976 tỷ đồng, tăng 1,1% so với DT năm 2019 do tăng kinh phí quản lý bảo trì đường bộ địa phương 5 tỷ đồng; kế hoạch thực hiện khuyến nông 8 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa 4 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị 1.413 tỷ đồng, tăng 10,9% so với dự toán năm 2019 do Kinh phí phục vụ Đại hội Đảng và các ngày lễ lớn 35 tỷ đồng; kinh phí hoạt động các chi hội 8 tỷ đồng; Kinh phí Ban công tác mặt trận thôn 2 tỷ đồng; Kinh phí hoạt động Đảng 3 tỷ đồng; Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn theo NĐ 116/2010/NĐ-CP 6 tỷ đồng; Chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND theo NQ 09/2016/NQ-HĐND 3 tỷ đồng và một số nhiệm vụ khác.

- Chi đảm bảo xã hội 420 tỷ đồng, bằng 99,7% so với dự toán năm 2019 do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chưa tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về một số nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững, vì vậy dự toán không bố trí kinh phí đảm bảo bảo trợ xã hội – giảm nghèo 4 tỷ đồng.

- Chi khác ngân sách 305 tỷ đồng, bằng 98,4% so với dự toán năm 2019, do điều chỉnh giảm một số nhiệm vụ chi để tăng cho các lĩnh vực khác ngay từ đầu năm.

**3. Chi trả lãi vay:** 9 tỷ đồng, bằng 86,3% so với dự toán 2019.

**4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:** 1 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2019.

**5. Dự phòng chi:** 275 tỷ đồng, tăng 0,8% so với dự toán năm 2019.

**6. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương:** 779 tỷ đồng, tăng 45,6% so với dự toán năm 2019.

**7. Chi chương trình mục tiêu quốc gia**: 111 tỷ đồng bằng số Bộ Tài chính giao.

(*Chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm*)

**III. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương năm 2020:**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **Nội dung** | **NSĐP** | **NSC Tỉnh** | **NS huyện** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Thu ngân sách** | **16.022** | **9.060** | **6.962** |
| 1. Thu NSĐP hưởng theo phân cấp | 11.010 | 7.779 | 3.231 |
| *- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%* | *3.090* | *1.389* | *1.701* |
| *- Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %* | *7.920* | *6.390* | *1.530* |
| 2. Thu ngân sách cấp trên | 4.374 | 959 | 3.415 |
| 3. Nguồn cải cách tiền lương | 638 | 322 | 316 |
| **II. Chi ngân sách** | **16.323** | **9.361** | **6.962** |
| 1. Chi đầu tư phát triển | 4.512 | 3.248 | 1.264 |
| *Trong đó chi trả nợ vay* | *1* | *1* |  |
| 2. Chi thường xuyên | 7.221 | 2.676 | 4.545 |
| 3. Chi trả lãi vay | 9 | 9 |  |
| 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1 | 1 |  |
| 5. Dự phòng ngân sách | 275 | 141 | 134 |
| 6. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương | 779 | 408 | 371 |
| 7. Chi chương trình MTQG | 111 | 111 |  |
| 8. Chi bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phô | 3.415 | 2.767 | 648 |
| **III. Bội chi ngân sách cấp tỉnh**  *(do Bộ Tài chính xác định để quy định mức vay trong năm của ĐP)* | **301** | **301** |  |

*(Chi tiết theo biểu mẫu số 15 đính kèm)*

**IV. Phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh:**

**1. Tổng thu ngân sách cấp tỉnh** **: 9.060 tỷ đồng**

- Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp : 7.779 tỷ đồng

*+ Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% : 1.389 tỷ đồng*

*+ Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ % : 6.390 tỷ đồng*

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương : 959 tỷ đồng

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương : 322 tỷ đồng

**2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh** **: 9.361 tỷ đồng**

- Chi đầu tư phát triển : 3.248 tỷ đồng

- Chi thường xuyên : 2.676 tỷ đồng

- Chi trả lãi vay : 9 tỷ đồng

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính : 1 tỷ đồng

- Dự phòng ngân sách : 141 tỷ đồng

- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương : 408 tỷ đồng

- Chi bổ sung cho NS các huyện, thị xã, thành phố : 2.767 tỷ đồng

- Chi chương trình MTQG : 111 tỷ đồng

**3. Bội chi ngân sách cấp tỉnh : 301 tỷ đồng**

**4. Chi tiết các lĩnh vực chi ngân sách cấp tỉnh như sau:**

**4.1. Chi đầu tư phát triển:** 3.248 tỷ đồng, tăng 3,9% so với dự toán năm 2019, cụ thể:

a) Chi đầu tư XDCB tập trung vốn trong nước 1.636 tỷ đồng, bằng 84,5% so với dự toán năm 2019. Do trong năm 2019 bố trí từ nguồn CCTL số tiền 200 tỷ đồng để chi chương trình kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn, năm 2020 không tiếp tục phát sinh; tăng chi đầu tư 80 tỷ đồng do trả nợ gốc giảm và giảm chi đầu tư các dự án công trình ngân sách tỉnh để tăng chi ngân sách huyện số tiền 100 tỷ đồng.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 316 tỷ đồng, bằng 94,5% so với dự toán năm 2019, vì thu từ tiền sử dụng đất cấp tỉnh giảm so với năm 2019.

c) Chi đầu tư từ nguồn NSTW bổ sung 775 tỷ đồng, tăng 67,8% so với dự toán năm 2019.

d) Chi đầu tư từ nguồn bội chi 301 tỷ đồng.

e) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 220 tỷ đồng, bằng 97,8% so với dự toán năm 2019.

**4.2. Chi thường xuyên:** 2.676 tỷ đồng, tăng 4,7% so với dự toán năm 2019, bố trí một số lĩnh vực như sau:

- Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội 116 tỷ đồng, tăng 34% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN giáo dục - đào tạo: 549 tỷ đồng, tăng 5,1% so với DT năm 2019.

- Chi SN khoa học và công nghệ 31 tỷ đồng, bằng 92,3% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN y tế, dân số và gia đình 691 tỷ đồng, tăng 0,9% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN văn hóa, thông tin 44 tỷ đồng, bằng 66,9% so với dự toán năm 2019 .

- Chi SN phát thanh truyền hình 234 triệu đồng, bằng 2,3% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN thể dục thể thao 70 tỷ đồng, tăng 42,8% so với dự toán năm 2019.

- Chi SN môi trường 54 tỷ đồng, tăng 1,1% so với dự toán năm 2019.

- Chi các hoạt động kinh tế 368 tỷ đồng, bằng 99,3% so với dự toán năm 2019.

- Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị 466 tỷ đồng, tăng 18,8% so với dự toán năm 2019.

- Chi đảm bảo xã hội 64 tỷ đồng, bằng 97,6% so với dự toán năm 2019.

- Chi khác ngân sách 222 tỷ đồng, bằng 99,9% so với dự toán năm 2019.

**4.3.** **Chi trả lãi vay:** 9 tỷ đồng, bằng 86,3% dự toán năm 2019.

**4.4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:** 1,170 tỷ đồng bằng 100% so với dự toán năm 2019.

**4.5. Dự phòng chi:** 141 tỷ đồng, tăng 1,5% so với dự toán năm 2019.

*(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)*

**5. Bố trí kinh phí trong chi thường xuyên để thực hiện các chương trình phát triển KT-XH của tỉnh và một số nhiệm vụ khác:**

a) Các chương trình phát triển KT-XH của tỉnh 66 tỷ đồng, bao gồm:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới : 27 tỷ đồng

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực : 20 tỷ đồng

- Chương trình kinh tế - xã hội miền núi : 10 tỷ đồng

- Chương trình 135 : 9 tỷ đồng

b) Kinh phí Đại hội Đảng và các ngày lễ lớn : 35 tỷ đồng

c) Kinh phí năm chủ trì ASEAN 2020 : 20 tỷ đồng

d) KP thực hiện các chính sách, chế độ tăng thêm : 32 tỷ đồng

so với dự toán

e) Kinh phí tăng đối tượng so với dự toán : 10 tỷ đồng

g) Bố trí một số nhiệm vụ khác : 106 tỷ đồng

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, sữa chữa trụ sở

làm việc các đơn vị thuộc tỉnh : 10 tỷ đồng

- Kinh phí cải cách hành chính toàn tỉnh : 20 tỷ đồng

- Mua sắm, trang thiết bị phục vụ công tác tại

các cơ quan cấp huyện : 16 tỷ đồng

- Hỗ trợ thành lập mới và tổ chức lại hoạt động HTX : 2,7 tỷ đồng

- Dự kiến KP đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị

của tỉnh cho đài PTTH : 15 tỷ đồng

- Kinh phí hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa

Theo Nghị định 35/2015/NĐ – CP : 21 tỷ đồng

- Hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng chính sách vay

vốn tại NHCSHXH tỉnh : 2,2 tỷ đồng

- Hỗ trợ trả nợ gốc đến hạn cho vay hộ nghèo

về nhà ở theo Nghị quyết số 15/2009/NQ-HĐND : 5 tỷ đồng

- Kinh phí mua xe ôtô : 10 tỷ đồng

- Kinh phí hoà giải : 4 tỷ đồng

**V. Một số giải** **pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2020:**

Dự toán thu NSNN năm 2020 xây dựng bằng số dự toán Trung ương giao về tổng số và phân bổ các lĩnh vực. Dự toán chi NSĐP được xây dựng trên cơ sở nguồn thu NSĐP được hưởng và phân bổ cho các lĩnh vực chi đầu tư, chi thường xuyên theo của HĐND tỉnh[[7]](#footnote-7) và trên tinh thần đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách an sinh xã hội nhưng vẫn tiết kiệm, hiệu quả. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2020, UBND tỉnh đề ra một số giải pháp chủ yếu như sau:

1. Cấp ủy, HĐND, UBND các cấp:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động đề ra các giải pháp tích cực, đồng bộ trong công tác tổ chức thu đối với các nguồn thu hiện có; khai thác các nguồn thu mới phát sinh; kiểm soát có hiệu quả việc nợ đọng thuế; định kỳ hàng tháng thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích những tác động của thay đổi chính sách đến nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN, phấn đấu hoàn thành dự toán được Chính phủ giao, góp phần đảm bảo nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo phân cấp.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân. Hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, nâng cao giá trị giá tăng sản phẩm, dịch vụ thông qua phát triển các công cụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đặc biệt là trong lĩnh vực Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội theo hướng tạo thuận lợi ở mức cao nhất, kịp thời giải đáp các vướng mắc, kiến nghị, giảm thiểu tối đa thời gian chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp;

- Đối với các khoản chi từ nguồn dự toán chưa phân bổ, UBND các cấp quyết định sử dụng và định kỳ 6 tháng báo cáo Thường trực HĐND và tổng hợp báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố chủ động sử dụng nguồn tăng thu dự toán để bố trí các nhiệm vụ chi phát sinh trong năm, giảm áp lực cho ngân sách tỉnh.

2. Cơ quan Thuế, Hải quan:

- Chủ động, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên nắm tình hình chấp hành pháp luật về thuế của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để kịp thời đề ra các giải pháp quản lý phù hợp; mặt khác phải tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các địa phương, đi đôi với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT, thực hiện kiểm tra trước khi hoàn thuế đối với 100% các trường hợp rủi ro cao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ NSNN. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được Nhà nước giao đất, thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc thu, nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước;

- Tập trung thực hiện tốt Chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 15/10/2018 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng thuế. Bên cạnh đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai việc sử dụng hoá đơn điện tử trong bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục phối hợp với cơ quan liên quan tiếp tục kiến nghị trung ương hướng dẫn xử lý trong công tác kiểm tra và truy thu thuế qua hình thức thanh toán điện tử: thông qua mã phản hồi nhanh (QR code) dưới hình thức sử dụng điện thoại thông minh và thẻ các loại thiết POS di động cầm tay từ nguồn thu cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách du lịch nước ngoài để chống thất thu ngân sách.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Tăng cường kiểm soát việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, thực hiện chuyển nguồn theo đúng quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công; kiên quyết cắt giảm các dự án không thực hiện giải ngân hoặc giải ngân chậm và điều chuyển cho các dự án khác.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư ưu tiên bố trí nguồn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp. Bên cạnh đó, phối hợp với các cơ quan liên quan thu hút các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh tại các khu, cụm công nghiệp để tạo nguồn thu mới và ổn định.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

- Sử dụng kinh phí các cấp phải chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN, tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Hạn chế tối đa việc đề xuất ứng trước dự toán. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN bảo đảm đúng dự toán được giao. Tiết kiệm các khoản chi cho bộ máy quản lý Nhà nước, sự nghiệp công, chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo đi công tác nước ngoài;

- Khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các chế độ chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù, theo quy định tại Điều 30, Luật NSNN năm 2015 phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương;

- Trong năm chủ động rà soát dự toán được giao, đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh giữa các nhiệm vụ chi đảm bảo sử dụng ngân sách hiệu quả.

5. Cơ quan Tài chính các cấp:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; chủ động tham mưu UBND cùng cấp tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán đã được HĐND tỉnh quyết định. Định kỳ đánh giá, dự báo tình hình thu, chi ngân sách, kịp thời đề xuất những biện pháp, giải pháp điều hành ngân sách đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển KT - XH năm 2020 của tỉnh. Đối với các khoản chi cơ quan Tài chính đã thẩm định nhưng chưa bố trí trong dự toán, trường hợp có tăng thu ngân sách các cấp cơ quan Tài chính sẽ cân đối và tham mưu UBND các cấp bổ sung theo thứ tự ưu tiên như sau: các nội dung chi an sinh xã hội; chi phòng chống thiên tai, dịch bệnh; các chế độ, chính sách đã được Trung ương và HĐND tỉnh thông qua và các nhiệm vụ cấp bách khác không thể trì hoãn.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố chủ động tham mưu UBND cấp huyện chủ động sử dụng dự toán được giao đầu năm để bố trí các nhiệm vụ chi phát sinh trong năm, giảm áp lực cho ngân sách tỉnh. Trường hợp không cân đối được nguồn, tổng hợp nhu cầu chi phát sinh tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết trong 02 đợt/năm (đợt 1: tháng 5/2020; đợt 2: tháng 10/2020).

- Chủ động rà soát đánh giá dự toán các đơn vị, địa phương để điều chỉnh các nhiệm vụ chi trong dự toán, hạn chế đề nghị bổ sung ngoài dự toán đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm và hiệu quả.

- Kết thúc năm ngân sách, cơ quan Tài chính các cấp căn cứ số liệu thu, chi NSĐP tính toán, xác định nguồn tiết kiệm chi và trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**B. Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2020 – 2022:**

Căn cứ tốc độ tăng trưởng thu NSNN giai đoạn 2016-2018 và dự toán thu NSNN Trung ương giao năm 2020, UBND tỉnh dự kiến tốc độ tăng thu NSNN giai đoạn 2020-2022 như sau:

**I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN giai đoạn 2020 – 2022 là 54.765 tỷ đồng *(Năm 2020: 17.273 tỷ đồng bằng 95,1% so với ước thực hiện 2019; năm 2021: 17.928 tỷ đồng tăng 3,8% so với dự toán 2020; năm 2022: 19.564 tỷ đồng tăng 9,1% so với dự toán 2021)*, cụ thể:

- Tổng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu giai đoạn 2020 – 2022 là 2.300 tỷ đồng *(Năm 2020:1.300 tỷ đồng, bằng 48,1% so với ước thực hiện 2019; năm 2021: 500 tỷ đồng bằng 38,5% so với dự toán 2020; năm 2022: 500 tỷ đồng bằng 100% so với dự toán 2021)*;

- Tổng thu nội địa giai đoạn 2020 – 2022 là 52.465 tỷ đồng *(Năm 2020: 15.973 tỷ đồng tăng 3,3% so với ước thực hiện 2019; năm 2021 17.428 tỷ đồng tăng 9,1% so với dự toán 2020; năm 2022: 19.064 tỷ đồng tăng 9,4% so với dự toán 2021)*;

Cụ thể các khoản thu nội địa như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý giai đoạn 2020 – 2022 là 2.180 tỷ đồng *(Năm 2020: 670 tỷ đồng; năm 2021: 730 tỷ đồng; năm 2022: 780 tỷ đồng)*;

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý giai đoạn 2020 – 2022 là 10.190 tỷ đồng *(Năm 2020: 3.300 tỷ đồng; năm 2021: 3.400 tỷ đồng; năm 2022: 3.490 tỷ đồng)*;

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2020 – 2022 là 2.162 tỷ đồng *(Năm 2020: 650 tỷ đồng; năm 2021: 720 tỷ đồng; năm 2022: 792 tỷ đồng*);

- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh giai đoạn 2020 – 2022 là 16.330 tỷ đồng *(Năm 2020: 4.730 tỷ đồng; năm 2021: 5.400 tỷ đồng; năm 2021: 6.200 tỷ đồng)*;

- Lệ phí trước bạ giai đoạn 2020 – 2022 là 2.520 tỷ đồng *(Năm 2020: 700 tỷ đồng; năm 2021: 840 tỷ đồng; năm 2022: 980 tỷ đồng)*;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp giai đoạn 2020 – 2022 là 45 tỷ đồng *(Năm 2020: 15 tỷ đồng; năm 2021: 15 tỷ đồng; năm 2022: 15tỷ đồng)*;

- Thuế thu nhập cá nhân giai đoạn 2020 – 2022 là 4.830 tỷ đồng *(Năm 2020: 1.380 tỷ đồng; năm 2021: 1.600 tỷ đồng; năm 2022: 1.850 tỷ đồng)*;

- Thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2020 – 2022 là 3.750 tỷ đồng *(Năm 2020: 1.150 tỷ đồng; năm 2021: 1.250 tỷ đồng; năm 2022: 1.350 tỷ đồng)*;

- Thu phí, lệ phí giai đoạn 2020 – 2022 là 3.830 tỷ đồng *(Năm 2020: 1.150 tỷ đồng; năm 2021: 1.280 tỷ đồng; năm 2022: 1.400 tỷ đồng)*;

- Thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 – 2022 là 3.000 tỷ đồng *(Năm 2020: 1.000 tỷ đồng; năm 2021: 1.000 tỷ đồng; năm 2022:1.000 tỷ đồng)*;

- Thu tiền thuê đất, mặt nước giai đoạn 2020 – 2022 là 1.110 tỷ đồng *(Năm 2020: 310 tỷ đồng; năm 2021: 400 tỷ đồng; năm 2022: 400 tỷ đồng)*;

- Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước giai đoạn 2020 – 2022 là 2 tỷ đồng *(Năm 2020: 2 tỷ đồng; năm 2021 và năm 2022: không phát sinh số nộp từ khoản thu này)*;

- Thu khác ngân sách giai đoạn 2020 – 2022 là 1.050 tỷ đồng *(Năm 2020: 350 tỷ đồng; năm 2021: 350 tỷ đồng; năm 2022: 350 tỷ đồng)*;

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản giai đoạn 2020 – 2022 là 56 tỷ đồng *(Năm 2020: 16 tỷ đồng; năm 2021: 20 tỷ đồng; năm 2022: 20 tỷ đồng)*;

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn 2020 – 2022 là 160 tỷ đồng *(Năm 2020: 50 tỷ đồng; năm 2021: 53 tỷ đồng; năm 2022: 57 tỷ đồng)*;

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2020 – 2022 là 560 tỷ đồng *(Năm 2020: 280 tỷ đồng; năm 2021: 140 tỷ đồng; năm 2022: 140 tỷ đồng)*;

- Thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2020 – 2022 là 690 tỷ đồng *(Năm 2020: 220 tỷ đồng; năm 2021: 230 tỷ đồng; năm 2022: 240 tỷ đồng)*;

**II. Thu ngân sách địa phương giai đoạn 2020 – 2022 và phương án phân bổ chi ngân sách địa phương:**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Giai đoạn 2020 – 2022** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Tổng thu NSNN** | **54.765** | **17.273** | **17.928** | **19.564** |
| **II** | **Tổng thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **39.832** | **12.607** | **13.000** | **14.225** |
| 1 | NSĐP được hưởng | 36.317 | 11.010 | 12.041 | 13.266 |
| 2 | Từ các nguồn khác | 3.515 | 1.597 | 959 | 959 |
| **III** | **Chi ngân sách địa phương** | **40.821** | **12.908** | **13.359** | **14.554** |
| 1 | Chi đầu tư | 14.091 | 4.512 | 4.650 | 4.929 |
| 2 | Chi thường xuyên | 21.923 | 7.221 | 7.215 | 7.487 |
| 3 | Chi trả lãi vay | 51 | 9 | 18 | 24 |
| 4 | Dự phòng chi | 855 | 275 | 275 | 305 |
| 5 | Chi bổ sung Quỹ DTTC | 3 | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Chi tạo nguồn CCTL | 3.565 | 779 | 1.089 | 1.697 |
| 7 | Chi đầu tư CTMTQG | 333 | 111 | 111 | 111 |

**III. Dự toán chi ngân sách địa phương giai đoạn 2020 – 2022:**

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2020 – 2022 là 40.821 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là 12.908 tỷ đồng; năm 2021 là 17.359 tỷ đồng và năm 2021 là 14.554 tỷ đồng. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển giai đoạn 2020 – 2022 là 14.091 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là 4.512 tỷ đồng; năm 2021 là 4.650 tỷ đồng và năm 2022 là 4.929 tỷ đồng;

2. Chi thường xuyên giai đoạn 2020 – 2022 là 21.923 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là 7.221 tỷ đồng; năm 2021 là 7.215 tỷ đồng và năm 2022 là 7.487 tỷ đồng;

3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính giai đoạn 2020 – 2022 là 3 tỷ đồng, mỗi năm 1,170 tỷ đồng;

4. Dự phòng chi ngân sách giai đoạn 2020 – 2022 là 855 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là 275 tỷ đồng; năm 2021 là 275 tỷ đồng và năm 2022 là 305 tỷ đồng;

5. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương giai đoạn 2020 – 2022 là 3.565 tỷ đồng, trong đó năm 2020 là 779 tỷ đồng; năm 2021 là 1.089 tỷ đồng và năm 2022 là 1.697 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2019; dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2020 – 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định*./.*

***Nơi nhận****:* **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- Đại biểu HĐND tỉnh;

- TT. HĐND tỉnh;

- TT. UBND tỉnh;

- Sở Tài chính;

- Lưu: VT, HB, Hle.

1. Số vượt dự toán 10% chủ yếu từ tăng thu hoạt động xuất nhập khẩu do lượng xăng dầu vẫn tiếp tục nhập khẩu tại cửa khẩu Khánh Hòa (dự toán giao 1.130 *tỷ đồng, ước thực hiện 3.000 tỷ đồng)* [↑](#footnote-ref-1)
2. Do lượng nhập khẩu hàng hoá tại cửa khẩu Khánh Hoà giảm so với năm 2018 *(năm 2018 nhập 2,08 triệu tấn xăng dầu, thu 6.804 tỷ đồng; năm 2019 ước nhập 0,8 triệu tấn xăng dầu, ước thu 3.000 tỷ đồng).* [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với xăng tăng từ 3.000 đồng/lít lên 4.000 đồng/lít, dầu diesel từ 1.500 đồng/lít lên 2.000 đồng/lít, dầu mazut từ 900 đồng/lít lên 2.000 đồng/lít, dầu nhờn từ 900 đồng/lít lên 2.000 đồng/lít, than nâu từ 10.000 đồng/tấn lên 15.000 đồng/tấn, than mỡ từ 10.000 đồng/tấn lên 15.000 đồng/tấn và than antraxit từ 20.000 đồng/tấn lên 30.000 đồng/tấn. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với tiền lương dự kiến tăng thêm từ 1.490.000 đồng lên 1.600.000 đồng trong năm 2020, khi có Nghị định của Chính phủ và hường dẫn của Bộ Tài chính Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh sử dụng nguồn cải cách tiền lương để thực hiện [↑](#footnote-ref-4)
5. Nội dung này chỉ thưc hiện trong năm 2020, vì vậy không trình ban hành Nghị quyết riêng để điều chỉnh định mức mà tổng hợp chung vào Nghị quyết phân bổ dự toán năm 2020. [↑](#footnote-ref-5)
6. Số tăng do tăng kinh phí hoạt động tổ chức CT – XH từ 1,2 triệu đồng lên 4 triệu đồng, kinh phí hoạt động Ban công tác mặt trận thôn tăng từ 1,5 triệu đồng lên 3,5 triệu đồng, tăng phụ cấp trách nhiệm đối với đại biểu HĐND chuyên trách. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bao gồm các Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 về nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 có sửa đổi bổ sung một số nội dung chi tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 về phân cấp nhiệm vụ chi của HĐND tỉnh có sửa đỏi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND và một số nội dung đã được điều chỉnh để phù hợp với định mức chi thay đổi. [↑](#footnote-ref-7)